

Thần Kim Quy

Truyện Thần Kim Quy, thông điệp nói về sách lược giữ nước là phải dựa vào lòng dân, được lòng trong một thiên tình sử bi thảm đầy nước mắt và máu đã khép lại dưới giếng, chôn vùi người con gái chung thủy, nhẹ dạ tin chồng đến nỗi giao phó cả nước non cho giặc.

Không dựa vào dân mà chỉ cậy thành ốc kiên cố, vũ khí lợi hại tối tân thì sự sụp đổ cơ nghiệp chỉ còn là vấn đề thời gian.

Không được sự ủng hộ của dân thì không một người lãnh đạo nào hay nhóm lãnh đạo do bất cứ cường quốc nào yểm trợ cũng thất bại trong sứ mệnh giữ nước và cứu nước.

I. My Châu - Trọng Thủy

Huyền thoại Thần Kim Quy là sử thi dân gian đời Thục liên quan đến việc xây thành Cổ Loa, việc dựng nước và mất nước Âu Lạc qua cuộc tình gián điệp Trọng Thủy - My Châu.

Theo sử sách, Thục Vương ở miền Tây Bắc nước Văn Lang, cầu hôn công chúa My Nương là con vua Hùng nhưng không được, dặn con cháu phải diệt nước Văn Lang để báo thù. Cháu Thục Vương là Thục Phán có sức mạnh và mưu lược, nhiều lần đem quân đánh nước Văn Lang và cuối cùng thắng được Hùng Vương, sát nhập nước Văn Lang vào nước Thục, thành lập nước Âu Lạc. Thục Phán xưng là An Dương Vương, rồi xây thành Cổ Loa để làm kinh đô nước Âu Lạc. An Dương Vương xây thành đến đâu thì lại lở đến đó nên xây mãi không xong. Nhà vua bèn trai giới, làm lễ cầu thần linh giúp đỡ. Hôm sau có một con Rùa Vàng nổi lên mặt nước sông ở phía Đông cung điện. Rùa Vàng nói được tiếng người, thông tho mọi việc trời đất, việc âm dương, người đời quý thần. Nhà vua biết đó là thần linh (Thần Kim Quy) nên hết lòng kính trọng, rước Thần Kim Quy vào cung và xin Thần giúp đỡ việc xây thành Cổ Loa. Thần Kim Quy cho biết có yêu quái cản trở việc xây thành, và chỉ bảo cho vua biết cách trừ yêu quái. Nhờ có Thần giúp đỡ, An Dương Vương diệt trừ được yêu quái và xây xong thành, theo hình xoắn như trôn ốc, gọi là Loa Thành (thành ốc) hoặc Cổ Loa thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên, người nhà Đường bên Tàu gọi là thành Côn Lôn vì thành rất cao lớn.

Ba năm sau, Thần Kim Quy từ biệt vua ra về. Vua xin thần ban cho phép lạ để giữ nước. Thần Kim Quy tháo một móng vuốt ở chân, trao cho An Dương Vương, bảo: “Vua lấy vuốt này làm nỏ. Khi có giặc đánh thành, đem nỏ này ra bắn thì giặc phải thua chạy.”

An Dương Vương sai tướng Cao Lỗ chế tạo nỏ thần, dùng vuốt của Thần Kim Quy làm lẫy. Nỏ thần được gọi là “Linh Quang Kim Quy Thần Nỏ”, bắn một phát ra hàng trăm mũi tên.

Từ phương Bắc, Triệu Đà đem quân xâm lăng nước Âu Lạc, An Dương Vương đem Nỏ Thần ra bắn. Quân của Triệu Đà bị đánh tan tác, phải tháo chạy. Triệu Đà thua trận, liền tìm quỷ kế để chiếm Âu Lạc. Triệu Đà đề nghị giảng hòa, rồi cầu thân, xin An Dương Vương cho con trai mình là Trọng Thủy được kết hôn với con gái An Dương Vương là My Châu. Vua Thục muốn tránh can qua nên nhận lời cầu hôn và cho Trọng Thủy sang ở gửi rể. Lâu dần, Trọng Thủy khéo léo hỏi vợ để được xem nỏ thần. Quá tin ở lòng chung thủy của chồng, My Châu đã đem nỏ thần

cho Trọng Thủy coi. Sau đó, Trọng Thủy tìm cách lấy cắp vuốt của Rùa Thần và thay lấy nõ giả vào đó. Rồi Trọng Thủy lấy cớ về thăm nhà để mang vuốt rùa thần cho cha.

Trước khi lên đường, Trọng Thủy bảo My Châu: “Tình vợ chồng không thể quên, nghĩa cha mẹ không thể bỏ. Nay ta trở về thăm cha, nếu chẳng may hai nước có chuyện bất hòa, ta làm thế nào tìm được dấu của nàng?” My Châu trả lời: “Vợ chồng xa nhau, nếu gặp cảnh biến loạn, lòng thiếp đau đớn khôn cùng. Thiếp có áo lông ngỗng, chạy đến đâu, sẽ rút lông ngỗng từ áo này mà rải ở mỗi ngã rẽ để làm dấu vết, nhờ thế chàng có thể tìm được thiếp.”

Sau khi lấy được vuốt nõ thần, Triệu Đà đem quân tiến đánh Âu Lạc. Quân Triệu kéo đến tận chân thành Cổ Loa mà An Dương Vương vẫn thản nhiên vui chơi giải trí và nói: “Đà không sợ nõ thần hay sao?” Khi quân Triệu Đà đánh thành quá mạnh, An Dương Vương sai quân lấy nõ thần ra bắn. Vuốt Rùa Thần đã mất, Nõ Thần không còn linh nghiệm như trước nữa. Quân Triệu Đà thắng và chiếm được thành Cổ Loa.

An Dương Vương để My Châu ngồi trên ngựa sau lưng vua, rồi thúc chạy về phương Nam. My Châu nhớ lời hẹn với Trọng Thủy, nhổ lông ngỗng trên áo, rải ở mọi ngã rẽ. Quân Triệu Đà cùng Trọng Thủy lần theo đúng đường An Dương Vương bôn tẩu. Tới bờ biển, đường cùng, An Dương Vương cầu cứu thần linh. Thần Kim Quy hiện lên nói: “Kẻ ngồi sau lưng chính là giặc đó”. An Dương Vương chợt hiểu là con gái đã làm hại mình bèn tuốt gươm ra... My Châu biết mình phải chết, xin vua cha được khẩn trời: “Thiếp là phận nữ nhi. Nếu có lòng phản nghịch vua cha, khi chết sẽ trở thành hạt bụi. Nếu thiếp một lòng trung hiếu nhưng bị người ta lừa dối, khi chết xin cho thiếp được biến thành ngọc để tỏ lòng trong sạch và mình nỗi oan khiên....”

Chém My Châu xong, An Dương Vương cảm sùng tê giác nhảy xuống biển. Thần Kim Quy rẽ nước mở đường cho nhà vua xuống thủy cung. My Châu bị chém trên bờ, máu chảy xuống nước, loài trai biển ăn vào, mỗi giọt máu biến thành một viên ngọc, được gọi là ngọc trai.

Trọng Thủy chạy đến nơi chỉ còn thấy xác My Châu, bèn đem về Loa Thành chôn cất. Chôn cất vừa xong thì trời tự nhiên nổi cơn giông bão: cát bay đá chạy, mưa gió âm âm... Khi trời quang mây tạnh trở lại thì mộ My Châu đã sụt xuống thành giếng sâu thăm thẳm, nước trong vắt. Chứng kiến việc này, Trọng Thủy chợt nhận ra chính vì chàng lừa gạt My Châu, ăn cắp lấy nõ thần, thu lượm bí mật quân cơ trong Loa Thành mà My Châu đã bị vua cha chém chết...

Chàng hối hận sâu xa, thương cảm người vợ chung thủy đã giữ tròn lời hứa hẹn lông ngỗng năm xưa, Trọng Thủy nhảy xuống “giếng My Châu” tự tử để chuộc lỗi mình. Người đời sau đặt lại tên giếng là “giếng Trọng Thủy”. Ai mò được ngọc trai dưới biển mà lấy nước giếng Trọng Thủy để rửa, ngọc càng thêm rực rỡ.

1. Qua truyện Thần Kim Quy, điều đầu tiên chúng ta nhận thấy là những nho sĩ đời sau biên soạn truyện dân gian đã chịu ảnh hưởng của Nho và Lão nên đã thêm bớt theo ý riêng của mình. Đời nhà Thục, dân Âu Lạc có biết chữ Hán đâu mà gọi rùa vàng là Kim Quy, vua Hùng là Hùng Vương, rồi nào là Linh Quang Kim Quy Thần Nổ, thủy cung, ..v.v...

Hầu hết những huyền thoại, huyền tích được ghi lại trong Lĩnh Nam Chích Quái đều bị thêm bớt nhiều bởi kiến thức Nho, Lão, Phật của các nhà biên soạn, trộn lẫn huyền tích Việt với huyền tích Trung Hoa, hoặc Nam Á với trí thức Bắc sử, ..v.v...

Phải chăng cần gỡ bỏ các lớp sơn văn hóa ngoại lai đi thì mới có thể hiểu được cha ông chúng ta muốn nhắn gửi hậu thế điều gì?

2. Truyện Thần Kim Quy đã gói ghém một phần lịch sử Việt Nam vào nửa sau thế kỷ thứ III trước Tây Lịch:

2.1. Thục Phán, thủ lãnh dân Âu Việt ở miền núi nước Văn Lang, đã phát nhiều đo quân tiến đánh kinh đô nước Văn Lang.

2.2. Thục Phán dựng nước Âu Lạc, tự xưng là An Dương Vương và dời đô xuống miền Cổ Loa.

Đối với dân Lạc Việt và Âu Việt thời đó, chống ngoại xâm là một nhu cầu cấp bách hơn trước vì nhà Tần đã thống nhất Trung Quốc. Với tham vọng bình thiên hạ, nhà Tần phát quân xâm lược phương Nam. Người Âu Việt và Lạc Việt anh dũng chống lại. Chủ tướng của giặc là Đồ Thư bị giết chết, cuộc xâm lăng thất bại. Truyền thuyết dân gian cho biết chính Thục Phán đã tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Tần của người Việt.

Điều đó cho thấy trên nền tảng nông nghiệp nói riêng, kinh tế nói chung, đã phát triển hơn trước và do nhu cầu chống ngoại xâm phương Bắc, sự hợp nhất giữa những bộ tộc gần nhau nhất về địa vực, về giòng máu, về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa là một nhu cầu lịch sử tất yếu khách quan. Đó là cơ sở của sự hợp nhất giữa hai bộ tộc Lạc Việt và Âu Việt và sự ra đời của nước Âu Lạc (vào khoảng nửa sau thế kỷ thứ III trước Tây Lịch). Sau hai năm dựng nước Âu Lạc, Thục Phán xây thành Cổ Loa, một kỳ công về kỹ thuật quốc phòng, phối hợp giữa bộ binh và thủy binh.

Việc dời đô từ vùng trung du xuống miền đồng bằng là biểu hiện sự phát triển lớn mạnh của dân Việt. Với những dụng cụ sản xuất bằng kim loại, miền đồng bằng đã được khai thác rộng rãi hơn.

Xây dựng thủ đô ở vùng đồng bằng, dân Việt chứng tỏ ý chí mạnh mẽ và tin tưởng khả năng chống ngoại xâm, giữ gìn đất nước của mình. Hai thành phần dân tộc, Lạc Việt và Âu Việt, được hợp nhất, hai lãnh thổ của người Lạc Việt và Âu Việt, miền xuôi và miền núi, được thống nhất thành nước Âu Lạc. Hai khả năng - tài dùng cung nỏ của dân Âu Việt và giỏi dùng thuyền của dân Lạc Việt - được phối hợp để bảo vệ thành Cổ Loa, giữ gìn nền độc lập.

Sự thống nhất đó làm cho nước Âu Lạc mạnh lên. Sự thất bại của một đo quân xâm lược lớn, 50 vạn quân của nhà Tần và việc quân Triệu Đà đánh Âu Lạc nhiều lần đều bị đẩy lui, đã chứng tỏ tinh thần quật cường bất khuất của sự lớn mạnh đó. Nước Âu Lạc với thành Cổ Loa ra đời đáp ứng nhu cầu của thời đại, là sự kế tục và phát triển ở một mức độ cao hơn nước Văn Lang trên cơ sở ý thức dân tộc (đã được nâng cao hơn trước). Kinh tế, văn hóa, xã hội Âu Lạc tiếp tục phát triển trên cơ sở những thành quả của nền kinh tế, văn hóa, xã hội Văn Lang.

Năm 1959, ở cách chân thành ngoài Cổ Loa vài trăm mét về phía Nam, các nhà khảo cổ đã phát hiện được một kho tên đồng gồm hơn vạn chiếc với nhiều hình loại khác nhau, đầu mũi tên có chuôi để cắm vào cán. Mũi tên đồng được chế tạo hàng loạt chứng tỏ kỹ thuật luyện đồng đã phát triển rất cao, nguyên liệu đồng đã dồi dào. Đào dưới chân thành Cổ Loa, các nhà khảo cổ đã tìm thấy một vài đồ sắt bên cạnh những mũi tên đồng. Điều đó đã cho phép ta kết luận rằng kỹ thuật luyện sắt đã xuất hiện từ trước thời kỳ Âu Lạc, nghĩa là trước khi Hoa tộc đánh chiếm nước ta.

Nhờ có những khai quật mới trong thập niên 60 tại vùng Đông Nam Á, các nhà khảo cổ đã khám phá ra rằng Hòa Bình (Bắc Việt Nam) mới chính thực là cái nôi của văn minh và văn hóa Đông Nam Á. Tiên sĩ Solheim II, giáo sư nhân chủng học của đi học Hawaii đã công bố kết quả công trình khảo cứu của ông về vấn đề này trong tạp chí National Geographic, số tháng 3 năm 1971. ông ta nói: “*Tôi nghĩ rằng nền văn hóa Long Sơn không phải là phát sinh từ Ngưỡng Thiều ở miền Bắc Trung Hoa, mà phát sinh từ miền Nam Trung Hoa, rồi lan lên phía Bắc. Cả hai nền văn hóa Long Sơn và Ngưỡng Thiều đều bắt nguồn từ nền văn hóa Hòa Bình (Việt Nam).*”

Sau khi lập nước Nam Việt (207 năm trước Tây Lịch) Triệu Đà đã nhiều lần phát quân xâm lược mong thôn tính nước Âu Lạc. Toàn bộ những mũi tiến quân của Triệu Đà đều bị bẻ gãy.

Năm chục vạn quân xâm lược của nhà Tần bị đánh bại và việc quân Triệu Đà đánh Âu Lạc nhiều lần đều bị đẩy lui chứng tỏ dân tộc ta thời đó đã có khả năng chống sự xâm lược quy mô và có tổ chức của nước ngoài. Do đâu mà dân tộc ta hun đúc được tinh thần quật cường bất khuất, sức chiến đấu dẻo dai, và tài thao lược như vậy?

Phải chăng nguồn gốc của sức mạnh đó, của tài thao lược đó, và của tinh thần quật cường bất khuất đó là ở chỗ hàng ngàn năm dưới thời đại các vua Hùng, người Việt đã tự xây dựng cho mình một cuộc sống có nề nếp, một xã hội có trật tự, một nền văn hóa độc đáo, rồi được tiếp tục phát triển và biểu hiện ở mức độ cao hơn dưới thời Âu Lạc.

Nguồn gốc thứ hai là nếp sống hợp tác đồng lao trên đồng ruộng được mở rộng trên bình diện dân tộc, tạo thành tinh thần đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Nguồn gốc thứ ba là hai thành phần dân tộc Lạc Việt và Âu Việt được hợp nhất, hai lãnh thổ miền xuôi (Văn Lang) và miền núi (Thục) được hợp nhất thành nước Âu Lạc và dân Âu Lạc mạnh hơn lên. Trong bối cảnh đó, tinh thần bộ lạc yếu dần đi để yếu tố dân tộc, ý thức dân tộc ngày càng nảy nở. Nhờ vậy mà tinh thần dân tộc, biểu hiện của ý thức tự chủ, được nâng cao thêm lên.

*Những sự kiện hiện thực lịch sử đó cho thấy mẹ Tiên Âu và bố Rồng Lạc là đôi vợ chồng khởi nguyên thân thoại của dân tộc Việt Nam là **huyền thoại**, nhưng miền đồi gò thung lũng của Âu Việt kết hợp với miền đồng bằng biển cả của Lạc Việt trở thành nước Âu Lạc lại là **hiện thực**.*

*Thần Kim Quy giúp đỡ An Dương Vương xây thành Cổ Loa là **huyền thoại**, nhưng một nhân tài nào đó hay tướng Cao Lỗ đã giúp vua xây dựng thành Cổ Loa, một kỹ thuật quốc phòng độc đáo, phối hợp giữa bộ binh và thủy binh lại là **hiện thực**.*

Lấy một móng vuốt ở chân Thần Kim Quy làm nỏ là **huyền thoại**, nhưng tướng Cao Lỗ hay một nhân vật nào đó chế tạo một loại nỏ liên châu bắn một phát ra 10 mũi tên đầu bằng đồng lại là **hiện thực**.

Sự kiện An Dương Vương dùng nỏ thần bắn một phát phá tan quân địch là **huyền thoại**, nhưng cách kiến trúc tròn ốc kiên cố của thành Cổ Loa, sự kết hợp tài tình giữa bộ binh và thủy binh, và kỹ thuật dùng nỏ trong chiến trận đã đánh đuổi quân Triệu Đà ra khỏi đất nước lại là **hiện thực**.

Việc Trọng Thủy lấy cắp vuốt của rùa thần và thay vuốt giả vào đó là **huyền thoại**, nhưng trong những năm ở rể, Trọng Thủy dò xét tình hình Âu Lạc, tìm hiểu cách bố phòng của thành Cổ Loa và học phép chế nỏ rồi trốn về nước cung cấp tài liệu cho Triệu Đà lại là **hiện thực**.

Việc An Dương Vương cảm ứng tê giác nhảy xuống biển và Thần Kim Quy rẽ nước mở đường cho nhà vua xuống thủy cung là **huyền thoại**, nhưng An Dương Vương mắc mưu kẻ địch, không dựa vào dân mà chỉ cậy thành cao, nỏ quý nên thua trận phải nhảy xuống biển tự tử vào khoảng năm 179 trước Tây Lịch lại là **hiện thực**.

Những sự kiện lịch sử được thần thoại hóa và những tưởng tượng phong phú được lịch sử hóa đó khiến cho người ngoại quốc cũng như người Việt vọng ngoại khi tìm hiểu đất nước Việt thật khó phân biệt đâu là huyền thoại, đâu là hiện thực lịch sử. Người dân Việt hay “nội tâm hóa” kinh nghiệm sống, sự kiện lịch sử để qua cái nhìn huyền thoại, huyền tích mà tạo ra những câu chuyện truyền miệng hấp dẫn hầu chuyên chở những tinh hoa của tư tưởng dân tộc vượt không gian và thời gian để truyền lại cho đời sau..., mà huyền thoại, huyền tích thì chỉ là sự thần thoại hóa lịch sử, thần hóa khả năng và sức mạnh của con người.

Cái hay, cái đẹp, niềm hãnh diện khi hành hương về thăm thành Cổ Loa, nhìn thấy các mũi tên đầu bằng đồng được trưng bày trong bảo tàng viện..., ta nhìn cái thực mà cứ ngỡ trong mơ, ta dẫm chân trên kinh đô của nước Âu Lạc nhưng tâm ta lại hòa trong hương vị huyền thoại Rùa Vàng; nhìn am My Châu và giếng Trọng Thủy mà lòng ngậm ngùi tưởng nhớ đến một thiên tình sử bi thảm đầy nước mắt và máu đã khép lại dưới giếng chôn vùi người con gái chung thủy, nhẹ dạ tin chồng đến nỗi giao phó cả nước non cho giặc.

2. Truyện Rùa Vàng giúp An Dương Vương xây thành Cổ Loa chỉ là “thần thánh hóa” một kỳ công của con người, của dân Âu Lạc.

Chuyện xây nhà, xây thành quách của dân Việt cổ nếu chỉ kể lại cho con cháu nhớ những chuyện tầm thường, rất dễ đi vào quên lãng. Do đó những chuyện kể dân gian được thần thoại hóa thành những Sử Thi Dân Gian để cho câu chuyện thêm phần hấp dẫn. Con cháu nghe truyện sẽ thích thú, ghi nhớ mãi, và lưu truyền được lâu dài.

Rồng và Rùa là hai vật linh thiêng của Việt tộc. Rồng gắn liền với vật Tổ (hèm: tô tem) của Việt tộc nên luôn luôn hiện diện trong các truyện cổ tích: Long Nữ, Lạc Long Quân đời Hồng Bàng, thần Long Đỗ của sông Tô Lịch thời dân Việt sống dưới ách đô hộ của nhà Đường, thành Thăng Long đời Lý...

Rùa được đề cập đến từ thời xa xưa, Rùa Khổng Lồ sống ngàn năm của vua nước Việt Thường biểu vua Nghiêu, truyện rùa đen và rùa vàng trong dân gian, huyền thoại thần Kim Quy đời Thục. Rùa dâng kiếm cho Lê Lợi...

Theo huyền thoại của dân Mường, một quan lang bắt được một con rùa đen biết nói tiếng người, rùa xin được phóng thích và để trả ơn quan, rùa chỉ cho Lang cách thức làm nhà. Ngõ nhà có mái tương tự như mai rùa, dựng trên bốn cột giống như bốn chân rùa. Rùa bảo Lang lấy cỏ may mà buộc các kèo cột và dùng thân cây vừng làm sàn. Lang không ngờ rùa đen đã dối trá về vật liệu làm nhà, vì nhà cất vừa xong thì đổ liền vì cỏ may quá mong manh nên dễ đứt, còn cây vừng dễ bị gãy. Lang cho dân tìm bắt rùa đen, nhưng rùa đã trốn biệt tích. May thay, một rùa vàng hiện ra và bảo lấy gỗ làm kèo cột, chẻ tre làm lạt buộc, lấy tranh làm mái. Kết quả là nhà rất vững chắc, Lang đã có nhà khang trang để ở.

Truyện trên không cho biết xảy ra vào thời gian nào (đời Hồng Bàng hay đời Thục). Có thể dân Văn Lang hay Âu Lạc đã tìm được cách làm nhà để ở, lúc đầu còn thiếu kinh nghiệm nên nhà dễ đổ. Với kinh nghiệm rút tỉa dần dần, người dân đã biết cách làm nhà vững chắc rộng rãi và khang trang hơn. Giản dị chỉ có như thế nhưng truyện đã được thần thoại hóa với Rùa Đen-Rùa Vàng để câu truyện thêm phần hấp dẫn.

Rồng và Rùa là hai vật gắn liền với lịch sử dân tộc Việt. ở thời xa xưa, người ta thường ghi lại những kinh nghiệm sống và sự hiểu biết của họ bằng ký hiệu khắc trên vỏ sò lớn hoặc mai rùa để lưu lại cho đời sau. Có thể nói trong nền văn hóa Việt, rùa là biểu tượng cho sự hiểu biết, cho triết lý sống Tiên Rồng, cho tinh thần dân tộc, cho tính quật cường bất khuất, cho lòng hy sinh vì dân vì nước v.v...

Phải chăng những tinh hoa đó là tiếng nói của lương tâm dân tộc. Chúng tiềm ẩn trong tâm thức của người dân Việt và sẵn sàng hiển lộ, nếu người Việt chúng ta biết thành khẩn mời gọi (tức là biết vận dụng những tinh hoa đó) khi cần, để chúng đáp ứng giải quyết những vấn nạn của thời đại.

Hình ảnh rùa vàng trao móng vuốt cho An Dương Vương làm nỏ thần, rùa vàng dâng kiếm báu cho Lê Lợi để giải phóng đất nước..., là cách dùng cảnh giới thiên nhiên để diễn tả ra việc đánh thức lương tri người dân Việt, diễn tả việc phục hoạt và vận dụng tinh thần dân tộc, truyền thống đoàn kết, tính quật cường bất khuất, lòng hy sinh vì dân, vì đất nước trong sách lược bảo vệ quê hương.

Như vậy, phải chăng thành khẩn mời gọi rùa vàng “trở về” là thành khẩn thấp sáng ngọn đuốc ý thức để thức tỉnh trở về với truyền thống văn hóa dân tộc, là soi sáng tâm linh, từ bỏ mọi hàng rào ngăn cách, tranh chấp nội bộ phe nhóm, để to sự đoàn kết tổng hợp dân quân, tinh thần và vật chất để bảo vệ đất nước? Đó là tiếng nói của lương tâm dân tộc bằng biểu tượng không lời của huyền thoại.

4. Thành Cổ Loa là một công trình kiến trúc độc đáo, vừa dùng làm căn cứ bộ binh với những trạm gác ở phần trên thành, lại vừa là một căn cứ thủy quân đủ chỗ cho hàng trăm chiến thuyền đi lại. Như vậy, An Dương Vương đã biết cách phối hợp Thủy Quân và Lục Quân trong chiến tranh nên Triệu Đà nhiều lần thua trận, phải dùng mưu gián điệp mới chiếm được nước Âu Lạc.

Việc xây thành Cổ Loa như trên đòi hỏi sự góp công, góp sức của hàng ngàn, hàng vạn dân Việt làm việc trong một thời gian lâu dài, trên một khoảng đất rất rộng. Muốn có đất để xây thành chắc chắn, An Dương Vương phải cho lệnh di chuyển dân vùng đó đi nơi khác. Rời bỏ xóm làng để đến chỗ khác, dù ở những nơi kế cận, dân chúng có thể đã không hài lòng. Rất có thể một số dân đã phản đối bằng cách đêm đêm về phá hoại việc xây thành. Họ đội lốt “yêu quái” xuất hiện ban đêm để mọi người kinh sợ mà không dám xây thành nữa. Việc phá hoại này đã được “huyền thoại hóa” thành sự phá phách của yêu quái. Sau đó có thể một vị tướng đem quân lính tuần hành, tổ chức canh gác cẩn mật nên dân chúng không thể đột nhập phá phách được nữa. Việc đó được “thần thoại hóa” thành việc Thần Kim Quy chỉ bảo cho Vua cách thức diệt trừ “yêu quái”.

5. Hiện nay, ở gần thành Cổ Loa, có một làng tên là Uy Nỗ (có nghĩa cây nỏ có uy lực của thần linh). Thêm vào đó, năm 1959, các nhà khảo cổ đã khai quật được một kho lớn có hàng vạn mũi tên đồng ở làng Cầu Vực (gần Cổ Loa). Điều này chứng tỏ nỏ đã là một vũ khí được quân sĩ của An Dương Vương dùng trong chiến trận. Không biết ai chế tạo ra nỏ nhưng dân chúng đã gán cho một nhân vật có thật là tướng tài Cao Lỗ. Nỏ có thể bắn ra một lúc 10 mũi tên, đòi sau gọi là “Liên Châu Thần Nỏ”, để ca tụng cung nỏ của Lạc Tướng. Ta thử tưởng tượng với một ngàn quân trang bị nỏ thần, mỗi phát phóng ra 10 mũi tên cùng một lúc. Nếu tất cả các tên đều trúng đích, mười ngàn quân địch sẽ chết hoặc bị thương ngay từ lúc đầu. Uy lực đó của nỏ thần có khác gì được thần linh hỗ trợ nên câu chuyện “Nỏ Thần” mới được thần thoại hóa thành truyện Thần Kim Quy giúp An Dương Vương vượt rùa làm lẫy nỏ. *Chuyện rùa vàng giúp An Dương Vương xây thành Cổ Loa* và chuyện nỏ thần đẩy lui quân địch chẳng qua là một lối cách điệu hóa khả năng và tài thao lược của tổ tiên ta bằng phương pháp phóng đi và tượng trưng của huyền thoại.

6. Cuộc hôn nhân giữa công chúa My Châu, con An Dương Vương nước Âu Lạc, với hoàng tử Trọng Thủy, con Triệu Vương - Triệu Đà - nước Nam Việt, là cuộc hôn nhân chính trị giữa tộc Việt và tộc Hoa được lưu truyền trong dân gian ta.

Những cuộc hôn nhân chính trị thường nhằm mục đích tăng cường tình hòa hiếu giữa hai quốc gia, hai dân tộc, hoặc nhằm đi đến liên minh để cả hai bên cùng đủ lực đương đầu với một nước hoặc một liên minh thù địch nào đó.

Tuy nhiên, cuộc hôn nhân chính trị giữa nước Âu Lạc và nước Nam Việt, giữa tộc Việt và tộc Hán vào thời An Dương Vương và Triệu Đà, cụ thể qua cuộc hôn nhân giữa My Châu và Trọng Thủy đã đưa tới một kết cục bi thảm.

An Dương Vương, vì nặng tình hòa hiếu nên đã nhẹ ý thức cảnh giác đối với kẻ chủ trương xâm lăng là Triệu Đà. An Dương Vương, theo truyền kể, dường như đã hành động theo suy luận giản đơn - hiểu là quá ấu trĩ - đi loại: Triệu Đà đã nhiều lần đem quân định thôn tính nước Âu Lạc nhưng lần nào cũng thua cho nên Triệu Đà phải cầu hòa bằng hình thức cầu hôn cho con trai là Trọng Thủy; bằng hình thức chịu để cho con trai ở gửi rể. An Dương Vương đã không nghi ngờ Triệu Đà trá hòa, một phần vì đích thực Triệu Đà đã đánh mà không thắng được An Dương Vương, một phần khác, dễ hiểu hơn: An Dương Vương có thành Cổ Loa độc đáo, có nỏ thần linh nghiệm...

Nếu như An Dương Vương đã có một đôi chút - chỉ một đôi chút thôi - cảnh giác về con người mưu lược và nham hiểm là Triệu Đà thì hoặc là An Dương Vương đã bác bỏ lời cầu hôn cho con

trao do Triệu Đà đưa ra, hoặc là An Dương Vương, vốn hiếu hòa, vẫn cho Trọng Thủy được ở rể - gửi rể - ngay trong thành Cổ Loa..., nhưng chỉ thị căn kẽ cho lính hầu theo dõi hành vi của phò mã Trọng Thủy, đồng thời tăng cường biện pháp bảo mật tất cả những cơ sở mang tính quốc phòng...

Vì không sáng suốt để cảnh giác chính mình, triều đình, và thuộc hạ..., An Dương Vương đang từ người dư thừa sức mạnh đương có trước đoàn quân đông đảo của Triệu Đà đã trở thành người bị trận, phải nhảy xuống biển tự tử. Cuộc hôn nhân chính trị này đưa đến kết quả bi thảm không phải vì cả My Châu lẫn Trọng Thủy cũng đã phải chết. Điều bi thảm tệ hại hơn thế nhiều: *cả dân tộc Việt, do sai lầm của An Dương Vương, đã bị tộc Hán đô hộ trong hơn một ngàn năm nữa kể từ đó.*

7. Sự thảm bi của An Dương Vương còn có nguyên nhân nằm trong sách lược chiến tranh. Qua dòng lịch sử Việt, chúng ta được biết vào khoảng 1,000 năm sau nhà Thục, Hồ Quý Ly cũng đã xây dựng thành Tây Đô thực sự kiên cố, nhưng Quý Ly đã thất bại trước cuộc xâm lăng của nhà Minh. Mười năm sau, Lê Lợi và Nguyễn Trãi, thừa kế truyền thống chống ngoại xâm, coi như nằm sẵn, nằm sâu trong tiềm thức của dân tộc ta, đã phát động cuộc chiến tranh đuổi giặc ra khỏi bờ cõi. Cuộc chiến tranh đã được toàn dân hưởng ứng rồi nhiệt liệt tham gia. Và dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi, dân ta đã oanh liệt chiến thắng quân Minh, giành lại chủ quyền đất nước. Trước và sau Lê Lợi, lịch sử cũng cho chúng ta biết đến tài thao lược của nhiều danh tướng khác, như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Quang Trung.... Những danh tướng này không hề ỷ vào thành lũy kiên cố. Họ tìm ra chỗ dựa vững chãi hơn: dựa vào tinh thần yêu nước vốn có của người dân; dựa vào ý chí bất khuất vốn có của người dân - của từng người dân - trẻ già trai gái.... để từ chỗ dựa tinh thần đó, triển khai ra sức mạnh tiềm tàng của toàn dân tộc.

Nói cách khác: thành cao, hào sâu, vũ khí hữu hiệu tối tân không phải là điều kiện tất yếu đưa đến tất thắng. Không có hoặc không còn giữ được điểm tựa dân chúng dành cho thì không một người lãnh đạo nào, ngay cả không một nhóm lãnh đạo nào có thể lãnh đạo cuộc chiến đến thành công.

Không dựa vào sự ủng hộ của dân chúng thì sự sụp đổ của cơ nghiệp chỉ còn là vấn đề thời gian. Không thể có một kết luận nào khác được. Ngược lại, trong chiến tranh, có khi mất một thành hay một vùng đất nhưng nếu người lãnh đạo biết hun đúc hay làm bùng lên tinh thần quật cường, ý chí bất khuất của quân, dân thì việc quật khởi, vùng lên cũng sẽ nhất định phải xảy ra.

Nước ta, dân tộc ta đã bị Hán tộc đô hộ hơn 1,000 năm. Khi thời cơ đến, nhân dân ta đã nhất loạt vùng dậy, quật cường đuổi quân Nam Hán ra khỏi đất nước. Chúng ta không quên sự lãnh đạo tuyệt vời của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng vào cuối năm 938, kết thúc vĩnh viễn thời kỳ bị Hán tộc thống trị.

Nhưng chúng ta cũng không nên quên rằng chiến thắng Ngô Quyền cũng chính là chiến thắng của toàn dân tộc ta vào thời gian đó.

Sách lược chiến tranh nằm ở điểm chủ yếu: Lòng Dân.

Với trí tưởng tượng vô cùng phong phú, ông cha chúng ta đã thần thoại hóa việc Thục Phán mắc mưu kẻ địch làm mất nước tan nhà để trở thành thông điệp nhắc nhở con cháu “nguyên lý” giữ nước

và đồng thời cũng nói lên quan niệm siêu việt về hạt nhân đối lập thống nhất trên nền tảng tinh thần chuyển hóa, thăng hoa và hòa đồng của nền minh triết Việt.

8. Phần lớn những huyền thoại của dân tộc Việt đều tìm cách giải quyết vấn đề chính yếu của nền minh triết Việt: hy sinh hoặc tương nhượng hay biến (chết) để vươn tới hòa đồng vĩnh cửu.

My Châu yêu thương và tin tưởng chồng đến nỗi thiếu cảnh giác, giao phó cả nước non cho giặc. Nàng yêu chồng trong tuyệt vọng đến liều lĩnh, nhỏ lòng ngồng làm dấu hiệu cho chồng biết lối tìm theo trên đường chạy trốn quân giặc.

Nàng đã sống trọn vẹn trong tình yêu. Nàng thể hiện lòng chung thủy: quyết chẳng xa nhau, sẵn sàng chết cho nhau và mãi mãi có nhau.

Lòng chung thủy, tình nghĩa keo sơn vợ chồng của My Châu thật cao đẹp! Nhưng không đúng chỗ! Không đúng người! My Châu không hóa giải được mâu thuẫn giữa tình yêu và nghĩa nước! My Châu bị chém đê đền tội làm mất nước.

Mặt khác, My Châu chết (biến), giọt máu thành ngọc trai (hóa) để tìm cách vượt mâu thuẫn, hài hòa ở một dạng khác. Trọng Thủy vì danh lợi riêng, lừa gạt người vợ hiền trong trắng. Sau khi chôn xác vợ, Trọng Thủy nhận thức ra chính vì những hành động gian trá của chàng mà My Châu đã bị vua cha chém chết. Thương cảm người vợ trong trắng, chàng hối hận và nhảy xuống giếng My Châu tự tử như thể để chuộc tội với nàng, để tròn tình nghĩa và cũng để tiếp tục thể hiện ở một hình thức chung thủy vĩnh cửu khác, dưới dạng hòa đồng.

Nếu câu chuyện chấm dứt ở chỗ My Châu và Trọng Thủy đều chết thì không mấy thi vị và cũng không chuyển tải được tinh hoa của tư tưởng Việt.

Ở góc độ tình yêu, cái đẹp của truyện My Châu-Trọng Thủy là ở chỗ mỗi tình chung thủy sắt son của cả đôi bên. Trọng Thủy chôn xác vợ rồi tự tử ở giếng Loa Thành và giọt máu của My Châu biến thành ngọc trai sẽ tươi sáng hơn lên khi được tắm trong nước tắm xác chồng.

Câu chuyện diễm lệ và sâu sắc ở chỗ trai ở biển Nam ăn phải những giọt máu của My Châu mà có ngọc (biến hóa). Ngọc đó mang về rửa ở nước giếng tắm xác chồng thì rực sáng vô ngần. Hình ảnh ngọc trai ở Nam Hải, do máu của My Châu to thành tươi sáng hơn khi được tắm trong nước tắm xác chồng diễn đạt tâm hồn quảng đại bao dung để vươn tới hòa đồng. Sự thăng hoa và hòa đồng được thể hiện ở chỗ hạt châu Nam Hải đem rửa vào nước giếng tắm xác chồng thì tươi sáng hơn vô ngần.

Trong chuyện My Nương - Trương Chi, tư tưởng chuyển hóa, thăng hoa và hòa đồng được thể hiện ở chỗ giọt nước mắt của My Nương rỏ vào chén ngọc (tim của Trương Chi hóa thành ngọc) làm chén ngọc tan rã hòa vào nước mắt.

Tuyệt! Không có hình ảnh nào lãng mạn, siêu việt cho bằng!

Còn trong truyện trầu cau, tư tưởng chuyển hóa, thăng hoa và hòa đồng ở cái chết của anh em nhà họ Cao. Lang chết (biến) rồi hóa thành hòn đá vôi, Tân chết (biến) hóa thành cây cau, và vợ

Tân chết (biển) hóa thành giầy trâu quấn lấy thân cau, bên dưới có hòn đá vôi; rồi cả ba trâu-cau-vôi, hòa hợp trong miếng trâu và cùng thăng hoa, hòa đồng trở thành màu đỏ thắm thơm ngon nồng nàn thất chặt quện chung nhau để tiếp tục thể hiện ở một hình thức hài hòa vĩnh cửu khác.

Dùng hình ảnh giầy trâu quấn lấy cây cau dưới có hòn đá để minh họa lý biến hóa của vũ trụ vạn vật và sự liên hệ hài hòa giữa vợ chồng, anh em, chị dâu em chồng, người với người nói chung, thì không gì tuyệt bằng. Điều đó chứng tỏ cha ông chúng ta có trí tưởng tượng vô cùng phong phú.

Hầu hết các huyền thoại, truyện dân gian, dã sử Việt thường minh họa lý đối lập thống nhất cùng tư tưởng chuyển hóa, thăng hoa và hòa đồng ở nhiều góc độ và dưới nhiều dạng khác nhau.

Có thể nói huyền thoại Thần Kim Quy là một thông điệp bằng biểu tượng của tổ tiên Việt từ ngàn xưa truyền cho đời sau, mang tính giáo dục về nguyên lý cùng kinh nghiệm giữ nước, và triết lý sống trên nền tảng lý đối lập thống nhất với ước nguyện thể hiện sự thăng hoa con người và cuộc sống với định hướng con người tương thông với vũ trụ.

II. Thành Cổ Loa

Cấu trúc xoắn ốc của thành Cổ Loa với ba vòng thành biểu tượng cho Trời-Người-Đất nhất thể, cùng với 18 vọng gác trên mặt thành biểu tượng các nút biến trong tiến trình thăng hoa, đã biểu hiện cái nhìn chân xác và thấu suốt tiến trình thăng hoa cuộc sống và con người với định hướng con người tương thông với vũ trụ.

Ngành khảo cổ học đã nỗ lực nghiên cứu những sự kiện lịch sử xác thực về thành Cổ Loa giúp chúng ta có thể xác định rằng Rùa Vàng giúp vua An Dương Vương xây thành Cổ Loa là huyền thoại, nhưng những dấu vết hiện tại ở huyện Đông Anh (tỉnh Phúc Yên) cho biết Cổ Loa là một thành có 3 vòng xoáy tròn ốc lại là hiện thực.

Như vậy, có thể nói Rùa Vàng giúp An Dương Vương xây thành Cổ Loa chỉ là thần thoại hóa một sự kiện lịch sử để thêm phần hấp dẫn. Con cháu nghe chuyện sẽ rất thích thú, ghi nhớ mãi mãi, và do đó được lưu truyền lâu dài từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Thành Cổ Loa nằm ở vị trí trung tâm của đất nước và là đầu mối của các hệ thống giao thông đường thủy. Tại đây có sông Hoàng chảy qua, thuận lợi cho việc đi lại quanh vùng, rồi tỏa đi các nơi, theo sông Hồng, sông Đáy xuôi về đồng bằng rồi ra biển cả hoặc xuôi sông Cầu qua sông Thương, sông Lục Nam lên vùng rừng núi Đông Bắc....

Thành Cổ Loa gồm ba vòng thành chính khép kín (thành Nội, thành Trung và thành Ngoại). Thành Nội (vòng trong cùng) hình chữ nhật, có chu vi 1650 mét, cao khoảng 5 mét, mặt thành rộng từ 6 đến 12 mét, chân thành dày khoảng 20 đến 30 mét. Thành Nội chỉ có một cửa, trên mặt thành có 18 ụ đất nhô ra ngoài để làm vọng gác. Những vọng gác này được đắp cao hơn mặt thành từ 1 đến 2 mét. Thành Trung (vòng giữa) có 5 cửa. Thành này cũng có những ụ đất đắp cao hơn mặt thành để làm vọng gác. Thành Ngoại (vòng ngoài cùng) dài 8000 mét, cao từ 4 đến 9 mét. Chân thành dày khoảng 12 đến 20 mét. Thành có 3 cửa ra vào. Cả ba vòng thành đều có hào rộng và sâu ở phía ngoài. Cả ba vòng hào đều được nối liền với nhau và thông ra sông

Hoàng đế bảo đảm quanh năm đều có nước cũng như làm tăng thêm sự hiểm yếu của kinh thành Cổ Loa. Giữa các vòng thành và phía ngoài thành Ngoại có nhiều ụ đất và lũy chắc chắn. Phía ngoài những lũy thành đều có hào sâu và rộng khiến thuyền bè đi lại dễ dàng. Hệ thống hào sâu rộng, ăn thông với thiên nhiên tạo thành mạng lưới giao thông quanh khắp 3 vòng thành, trong đó có vùng Đầm Cả rộng mênh mông, hàng mấy trăm chiến thuyền có thể đậu được.

Thành Cổ Loa được bồi đắp, tu sửa qua nhiều thời kỳ lịch sử, nhưng quy mô và cấu trúc của thành về cơ bản không có gì thay đổi. Đây là một công trình lao động đồ sộ của người dân Âu Lạc (Đi Cương Lịch Sử Việt Nam - Trương Hữu Quỳnh, nhà xuất bản Giáo Dục 1998, trang 50).

1. Thành Cổ Loa là một công trình lao động quy mô của dân Âu Lạc. Số lượng đất đá đào đắp, chuyên chở đòi hỏi hàng ngàn, hàng vạn nhân công làm việc trong một thời gian lâu dài, trên một khoảng đất rất rộng.

Mặt khác, muốn có đất để xây thành chắc chắn, An Dương Vương phải cho lệnh di chuyển dân chúng trong vùng đi nơi khác. Dưới chân nhiều đụn thành, khảo cổ học đã phát hiện được di tích nơi cư trú có trước khi xây dựng thành, thuộc buổi đầu thời đại đồ sắt.

2. Xây thành giữa một vùng có nhiều sông nước, cồn gò, đầm lầy, ứng như thế chứng tỏ nhân dân Âu Lạc đã phát minh kỹ thuật kê đá tảng để chân thành thêm vững chắc.

3. Thành Cổ Loa xây theo kiểu vòng xoắn tròn ốc vào nửa sau thế kỷ thứ III trước Tây Lịch là một kiến trúc độc đáo, chứng tỏ tài năng sáng tạo của người Âu Lạc. Trong thời đại này, Hoa tộc và tất cả các dân tộc trên thế giới đều xây thành hình vuông hoặc hình chữ nhật hay hình tam giác.

4. Ngoài cung nỏ và vũ khí bằng đồng khác, người Âu Lạc đã sáng tạo một kỳ công kỹ thuật quốc phòng, đó là thành Cổ Loa. Độc đáo ở chỗ bất kể địch xuất hiện từ phía nào, quân phòng thủ cũng trông thấy địch một cách dễ dàng để kịp thời ngăn chặn, đẩy lui, tiêu diệt chúng.

Còn độc đáo ở chỗ vừa là căn cứ của bộ binh, vừa là một căn cứ của thủy quân đủ chỗ cho hàng trăm chiến thuyền di chuyển trên sông lạch khắp ba vòng phối hợp tác chiến với bộ binh. Điều này cho thấy An Dương Vương đã biết cách phối hợp chặt chẽ và linh động giữa thủy quân và lục quân trong chiến trận cũng như trong chiến thuật bảo vệ thành trong thế chủ động.

Cách kiến trúc theo kiểu xoắn tròn ốc, thành nằm ở vị trí trung tâm đất nước và là đầu mối của các hệ thống giao thông đường thủy. Điều này chứng tỏ các nhà lãnh đạo Âu Lạc nói chung, An Dương Vương nói riêng, đã vận dụng hợp lý hợp tình lý đối lập thống nhất (thủy quân và lục quân vốn là hai thứ dị biệt khó có thể cùng hoạt động trên một chiến tuyến, một trận địa.) Lục quân không thể tác chiến trên sông hay trên biển cả và chiến thuyền cũng không thể đi trên đất liền. Nhưng trong việc phòng thủ thành Cổ Loa, vì vị trí và cách kiến trúc - sông làm hào và gò cao làm lũy - tướng chỉ huy có thể phối hợp chiến thuyền (chở thủy quân) với lục quân tạo thành một sức mạnh tổng hợp cùng lúc đẩy lui quân địch. Nói cách khác, chiến thuyền của thủy quân có thể được vận chuyển khắp ba vòng hào sâu để phối hợp tác chiến với bộ binh phòng thủ thành và từ ba vòng hào của thành Cổ Loa, chiến thuyền có thể tỏa ra sông Hoàng Giang, để ngược dòng sông Hồng, đi xuôi ra sông Cầu và ra biển. Quân giữ thành luôn luôn chủ động, bất cứ lúc

nào cũng có thể dùng chiến thuyền bao vây lục quân địch hay dùng lục quân bao vây chiến thuyền địch trên một trận địa thu hẹp là thành Cổ Loa.

Do đó Triệu Đà đã nhiều lần thua trận, phải dùng mưu mẹo gián điệp. Triệu Đà sai con trai là Trọng Thủy sang làm con tin bên kinh thành Âu Lạc. Viện có cầu hôn con gái vua An Dương Vương là My Châu, Trọng Thủy ở rể ba năm (theo phong tục Âu Lạc) tại Cổ Loa. Trong thời gian ở rể, Trọng Thủy điều tra tình hình nội bộ Âu Lạc, cách bố phòng Cổ Loa và tìm hiểu kế sách bảo vệ thành, rồi trốn về nước báo cho vua cha xua quân đánh chiếm Cổ Loa và Âu Lạc. An Dương Vương thua trận, phải nhảy xuống biển tự tử. Việc xảy ra vào khoảng năm 179 trước Tây Lịch, đánh dấu một chặng đường bi tráng của lịch sử Việt, kéo dài hơn một ngàn năm dưới ách thống trị của Hoa tộc.

Sau chiến thắng Bạch Đằng, vào năm 939, kết thúc hoàn toàn thời kỳ mất nước, Cổ Loa lại trở thành kinh đô nước Việt.

5. Việc dời đô về Cổ Loa, từ vùng trung du xuống miền đồng bằng, là một biểu hiện của lòng tự tin có đủ khả năng và sự quyết tâm giữ gìn nền độc lập.

Đó cũng là biểu hiện của sự phát triển lớn mạnh về kinh tế, văn hóa Âu Lạc, trên cơ sở những thành quả của nền kinh tế, văn hóa Văn Lang. Tại miền đồng bằng Cổ Loa, người dân Âu Lạc đã thể nghiệm thành công từ cách trồng lúa nước miền chân núi đến cách trồng lúa nước miền đồng bằng, từ nông nghiệp một vụ lúa (mùa) sang hai vụ lúa (mùa - chiêm), từ sự kết hợp trồng trọt-săn bắn đến sự kết hợp trồng trọt-đánh cá.

Vị trí xây thành Cổ Loa - miền giáp ranh trung du và đồng bằng - và cách kiến trúc theo kiểu xoáy tròn ốc là biểu hiện của tinh thần hòa hợp và khả năng dung hóa của người dân Âu Lạc. Có thể nói Cổ Loa là sự hòa hợp giữa dân Lạc Việt và Âu Việt, là sự phối hợp giữa lũy và hào, giữa đê trị thủy và hệ thống phòng thủ, là sự dung hòa khả năng lục chiến và tài dùng cung nỏ của dân Âu Lạc với khả năng xuất sắc về tài chèo thuyền, tài bơi lội, tài lặn tho thủy chiến của dân Lạc Việt.

6. Cách kiến trúc thành Cổ Loa là biểu hiện của sự vận dụng trí tuệ và kinh nghiệm sống trong nền văn hóa nông nghiệp ổn định lâu đời của cư dân Âu Lạc.

Việc trồng trọt trong một xã hội định cư định canh lâu đời khiến người nông dân nghiệm thấy rằng các loại cây có 5 lá đầu tiên mọc theo đường xoắn ốc. Nếu từ 5 lá ta gióng 5 đường thẳng xuống gốc cây, ta sẽ thấy năm lá này nằm trên đỉnh của một hình ngũ giác gần đều cạnh và lá thứ 6 mọc trên lá thứ nhất, lá thứ 7 nằm trên lá thứ 2, lá thứ 8 mọc trên lá thứ 3, lá thứ 9 nằm trên lá thứ 4, lá thứ 10 nằm trên lá thứ 5. Mỗi nhóm 5 lá cần 2 vòng xoắn ốc nên nếu có 10 lá thì cần 4 vòng, 15 lá thì cần 6 vòng. Những cây thuộc loại này thì hoa thường có 5 cánh và trái cây có 5 múi.

Nhờ khám phá ra vòng xoắn tròn ốc là vòng tiến hóa của vạn vật và muôn loài, người Việt cổ tin tưởng vào sự thăng hoa của muôn loài, nhất là loài người. Với óc thực tiễn, họ không đi vào lãnh vực siêu hình mà cũng tránh tôn giáo cực đoan. Họ chỉ lo việc tạo điều kiện thuận lợi cho một nếp sống hài hòa giữa người với người vì họ chủ trương con người vốn là trung tâm mọi

hoạt động của đời sống và tư duy. Hòa hòa chính là điều kiện để thăng hoa con người và cuộc sống, để con người bước vào tiến trình tương thông với vũ trụ. Ngoài lãnh vực nhân sinh và đạo học, người Âu Lạc còn biết áp dụng sự hiểu biết về vòng xoắn ốc vào kiến trúc trong lãnh vực quốc phòng để bảo vệ đất nước.

7. Thành Cổ Loa mặc nhiên trở thành biểu hiện thành công của trí tuệ và tinh thần thực tiễn của người dân Âu Lạc, là công sự quốc phòng đầu tiên và duy nhất trên thế giới - vào thời gian đó - đã kết hợp được hoạt động của bộ binh và thủy binh, từ bố phòng đến ứng chiến... một cách thực sự linh động. Chính vì những ưu điểm đó mà sau chiến thắng Bạch Đằng vĩ đại vào năm 938, Cổ Loa lại trở thành kinh đô của nước Việt độc lập, tự chủ, sau hơn mười thế kỷ bị phương Bắc thống trị.

8. Thành Cổ Loa còn độc đáo ở chỗ là biểu hiện của vòng xoắn tiến hóa theo cấu trúc xoắn ốc của vạn vật, kể cả loài người.

Hiện nay không ai phủ nhận tiến trình tiến hóa của con người nói riêng, của loài người nói chung là tiến trình theo cấu trúc xoắn ốc. Phát triển theo vòng xoắn ốc là tiến trình của biến chuyển sau về hình thức giống quá trình của biến chuyển trước, nhưng về thực chất là ở mức phát triển cao hơn.

Có thể nói, cấu trúc xoắn ốc của thành Cổ Loa với ba vòng thành biểu tượng cho Trời-Người-Đất nhất thể, cùng với 18 vọng gác trên mặt thành biểu tượng các "nút biến" trong tiến trình thăng hoa đã biểu hiện cái nhìn chân xác và thấu suốt tiến trình thăng hoa cuộc sống và con người với định hướng con người tương thông với vũ trụ của tổ tiên Việt.

Vậy phải chăng 18 vọng gác trên mặt thành Cổ Loa là biểu tượng cho các "nút biến", chuyển hóa tâm thức con người. Nói cách khác, những nút biến đó làm thay đổi bộ mặt của loài người về khía cạnh vật chất, tinh thần và hiểu biết một cách sâu rộng.

"Nút biến" vô cùng quan trọng là phát hiện ra lửa, chuyển biến loài người từ cách ăn sống sang cách ăn chín, khác hẳn với loài thú vật.

Các nút biến sau đó, có một nút biến cũng vô cùng quan trọng là sáng chế ra bánh xe và các nút biến khác ở thời đại đồ đá, đồ đồng, và đồ sắt. Rồi đến các nút biến gần đây như khám phá trái đất chạy quanh mặt trời, sức hút trái đất, sáng chế máy in, máy nổ, máy điện, và những phát minh trong mọi lãnh vực vật lý, hóa học, y học, di truyền, không gian, điện toán và siêu tốc truyền thông...

Khoa vật lý cho thấy tất cả sự vật đều được tạo ra bởi sự kết hợp quân bình của lực điện âm và lực điện dương; vật chất sẽ tan rã hoặc tan biến nếu hai điện đó không kết hợp hài hòa bền vững và toàn hảo.

Hai yếu tố đối lập tác động với nhau (tác động hai chiều) tạo thành một kết hợp hài hòa phát sinh yếu tố thứ ba, như điện âm và điện dương tác động nhau phát ra ánh sáng. Nam và nữ tuy đối lập nhưng một kết hợp hài hòa đưa đến trạng thái thứ ba là tình yêu giữa nam và nữ, rồi có thể chuyển sang tình nghĩa vợ chồng.

Mặt khác, hai yếu tố đối lập nam nữ tác động nhau cũng có thể phát sinh yếu tố vật chất thứ ba là con cái. Từ cơ sở đó phát sinh tình nghĩa cha con, tình mẹ con. Nếu sự kết hợp này bị trục trặc thì gia đình sẽ đổ vỡ, con cái sẽ bất hạnh.

Ngoài ra, tinh thần và vật chất, thân và tâm, nội tâm và ngoại cảnh, là các yếu tố xúc tác của tác động hai chiều để tạo sự thống nhất hài hòa giữa tinh thần và vật chất, giữa thân và tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho sự cân bằng sinh thái giữa con người và vũ trụ vạn vật để con người bước vào tiến trình thăng hoa với định hướng con người tương thông với vũ trụ.

Tiến trình thăng hoa tùy thuộc ở “cái biết”. Cái biết thấu suốt vào cái cực nhỏ cho đến cái cực to, cho đến vô cực mà khởi điểm là tự biết mình: "Trăm hay là xoay vào lòng.", và "Ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình." Tự biết mình để làm chủ bản thân. Làm chủ bản thân là chia khóa mở cửa vào thế giới của trí tuệ và tình thương. Như vậy, phạm vi của cái biết là phạm vi của vũ trụ. Biết đến đâu thì vũ trụ đến đó - “Biết-Làm- Sống”, “Sống-Làm-Biết” luôn luôn hợp nhất. Đó là tiến trình làm chủ bản thân. “Khôn cũng chết, dại cũng chết, **biết thì sống**”. Chính cái biết chân xác và thấu suốt tiến trình thăng hoa mới có khả năng vận dụng **lý đối lập thống nhất** để thân tâm hài hòa, đưa con người bước vào tiến trình thăng hoa với định hướng con người tương thông với vũ trụ.

Cho nên có thể nói cấu trúc xoắn ốc của thành Cổ Loa với ba vòng thành là biểu tượng Trời-Người-Đất nhất thể cùng với 18 vọng gác trên mặt thành biểu tượng cho các "nút biến" của tiến trình thăng hoa, là biểu hiện cái nhìn chân xác và thấu suốt tiến trình thăng hoa cuộc sống và con người, với định hướng con người tương thông với vũ trụ.

III. Nỏ Thần

Năm 1959, các nhà khảo cổ đã khai quật được một kho mũi tên đầu bằng đồng gồm hơn vạn chiếc với nhiều hình dạng khác nhau ở cách chân thành Cổ Loa vài trăm mét về phía Nam.

Hiện nay, ở gần thành Cổ Loa, có một làng tên là Uy Nỗ (cây nỏ có uy lực của thần linh). Nỏ không biết do một nhân tài nào đó chế ra nhưng dân chúng đã gán cho tướng Cao Lỗ. Nỏ có thể bắn ra một lúc 10 mũi tên, đời sau gọi là Liên Châu Thần Nỏ.

Như vậy, Thần Kim Quy cho An Dương Vương một cái móng làm lẫy nỏ, bắn một phát giết cả trăm quân giặc là một huyền thoại, nhưng tướng tài Cao Lỗ chế ra một loại nỏ bắn ra một lúc 10 mũi tên đầu bằng đồng lại là hiện thực.

Thần thoại hóa việc chế một loại nỏ, một loại vũ khí rất lợi hại được quân lính của An Dương Vương dùng trong chiến trận là để ca tụng tài chế tạo của nhân tài người Việt nào đó hay tướng Cao Lỗ và ý chí quyết chiến đấu để bảo vệ quê hương đất nước của dân Âu Lạc. Hiện thực lịch sử này cho thấy:

1. Mũi tên được chế tạo hàng loạt như thế và mũi tên bắn đi không thu hồi lại chứng tỏ kỹ thuật luyện đồng đã phát triển rất cao, nguyên liệu đồng rất dồi dào và thừa thãi. Điều này và nhiều di tích của ngành khảo cổ trong những thập niên gần đây cho thấy trống đồng và trống đồng Ngọc Lũ nổi tiếng trên thế giới là sở hữu của người Việt cổ. Trống đồng là biểu tượng cho

nền minh triết Việt. Có thể nói đó là bản thông điệp của tổ tiên Việt từ ngàn xưa truyền lại cho con cháu qua những hình tượng cô đọng, những hình tượng có giá trị biểu tượng mang tính chất giáo dục nói lên những nguyên lý nhằm tạo dựng cuộc sống hài hòa giữa người với người, giữa con người với thiên nhiên vạn vật và vũ trụ.

2. Khả năng sáng tạo độc đáo của người dân Âu Lạc được thể hiện trong việc chế tạo một loại nỏ rất lợi hại, bắn một lúc 10 mũi tên đầu bằng đồng.

3. Trên cơ sở kỹ thuật đồ đồng, thau phát đạt, người Âu Lạc đã nắm được kỹ thuật rèn sắt. Các nhà khảo cổ đã tìm được, dưới chân thành Cổ Loa, một số đồ sắt, bên cạnh những mũi tên đồng. Và tại các di chỉ Gò Chiền (Vĩnh Phú), Đường Cổ (Hà Tây)... cũng đã tìm thấy đồ sắt. Điều này chứng tỏ rằng kỹ thuật luyện sắt đã xuất phát từ trước thời đại nước Âu Lạc được hình thành (257 trước Tây Lịch).

4. Cục diện ở phương Bắc, thời Chiến Quốc (481-221 trước Tây Lịch) đang diễn tiến, các tập đoàn phong kiến dùng mọi thủ đoạn để tiêu diệt nhau. Điều đó cho phép ta kết luận:

a. Lúc đó, khoảng nửa thế kỷ thứ III trước Tây Lịch, Hoa tộc chưa tiếp xúc với dân Âu Lạc. Xã hội Trung Hoa đang ở thời kỳ vô cùng loạn lạc, chiến tranh triền miên (cuối thời Chiến Quốc).

b. Người dân Âu, dân Lạc - người Việt cổ nói chung - có tổ chức xã hội nề nếp, với nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời hòa hợp với thiên nhiên, linh động, thích ổn định, trọng tình cảm, dung hợp mềm dẻo..., khác hẳn với lối sống Hoa tộc còn dấu ấn du mục (chế ngự thiên nhiên, thích chiếm đoạt, trọng sức mạnh, lý trí, độc tôn, cứng rắn, nguyên tắc...)

Mãi về sau, sau hơn hai trăm năm bị Hoa tộc đô hộ (179 trước Tây Lịch đến 43 sau Tây Lịch) mà Mã Viện, tên thực dân tàn ác, còn tâu với vua Hán là luật Việt với luật Hán khác nhau đến hơn 10 điểm và xin áp dụng triệt để luật Hán trên đất Việt.

c. Vũ trụ quan tuy giản đơn nhưng sâu sắc, vượt không gian và thời gian, đã được phổ biến toàn xã hội với khái niệm đối lập thống nhất giữa núi-biển, nước-lửa, chim-cá, đực-cái, nam-nữ, v.v...

Từ cơ sở đó người Việt cổ có lối tư duy đối ứng và biểu tượng. Những biểu tượng của nền minh triết Việt được ghi lại qua những hình ảnh như chim, hươu, hành động, số lượng, người nam, người nữ,...v.v... được xếp đặt theo một trình tự nhất định trên trống đồng. Tư duy theo lối đối ứng và biểu tượng thường dùng cảnh giới thiên nhiên để diễn tả tư tưởng của người Việt cổ sống trong nền văn hóa nông nghiệp ổn định lâu đời, có dịp gần gũi thường trực với thiên nhiên vạn vật, khác hẳn lối tư duy của Hoa tộc còn mang dấu ấn du mục.

5. Một sự kiện lịch sử mà người Việt chúng ta có thể hãnh diện là vào nửa thế kỷ thứ III trước Tây Lịch, chưa có một quốc gia nào chế to được loại nỏ bắn một lúc mười mũi tên đầu bằng đồng.

Kết Luận

Xây thành Cổ Loa, chế tạo được loại nỏ bắn một lần nhiều mũi tên, đúc hàng loạt đầu tên bằng đồng, phát triển trồng lúa nước miền đồng bằng, nông nghiệp tiến đến đa dạng, tinh thần hợp tác đồng lao trên đồng ruộng được mở rộng ở phạm vi dân tộc trở thành tinh thần đoàn kết chống ngoại xâm, ý thức dân tộc được nâng cao thêm, v.v...

Những thành tựu vật chất và tinh thần đó không phải đương nhiên hay một sớm một chiều mà có được. Sở dĩ chính trị, kinh tế, quốc phòng của Âu Lạc phát triển được là nhờ tiếp tục phát triển trên cơ sở thành quả của nền văn hóa Văn Lang từ hàng ngàn năm trước.

Những chứng tích lịch sử xác thật đó nói lên rằng trước khi tiếp xúc với văn hóa bên ngoài (Trung Quốc, Ấn Độ) người Việt cổ đã xây dựng một nền văn hóa nông nghiệp ổn định lâu đời khá cao, với triết lý sống đặt trên nền tảng lý đối lập thống nhất, vượt thời gian và không gian - triết lý sống Tiên-Rông - lấy con người làm trung tâm cho mọi hoạt động và tư duy.

Như vậy, chúng ta có thể nói thời đại Văn Lang và Âu Lạc là thời đại hình thành những truyền thống tư duy và tâm linh sâu xa của dân tộc Việt nói trên. Chúng là những yếu tố siêu thời gian, đang linh hoạt nơi tâm thức của người dân Việt không bao giờ phai nhạt đã làm giềng mối cho cuộc sống dân tộc trải qua bao thế hệ. Điều chủ yếu là người Việt chúng ta có biết khơi động đúng lúc hay không.

Đó cũng là thời đại hình thành vững chắc một nền tảng xã hội, với gia đình phân công và làng nước phân quyền qua xã thôn tự trị. Điều quan trọng là chúng ta phải vận dụng trí óc để hiện đại hóa hầu đáp ứng với nhu cầu của thời đại.

Chính nhờ hun đúc được sức mạnh nội tại thâm hậu đó và xây dựng được một sức mạnh vật chất độc đáo: gia đình phân công, nhà nước phân quyền, xã thôn tự trị - mà sau hơn một ngàn năm bị Hoa tộc đô hộ với một chính sách đồng hóa thâm độc, dân tộc Việt vẫn không bị mất gốc, vẫn giữ gìn tiếng nói, cách sống và lối tư duy đặc thù của mình. Người Việt vẫn là người Việt. Phải chăng đó là một sự kiện vô tiền khoáng hậu trong lịch sử nhân loại?

Phải chăng điều này nói lên rằng người Việt cổ đã xác định được một triết lý sống linh động, vừa thực tiễn vừa thanh thoát từ thời các vua Hùng và được củng cố phát triển dưới thời Âu Lạc, xây dựng vững chắc trên nền tảng văn minh nông nghiệp trồng lúa nước với hạt nhân đối lập thống nhất trong tinh thần tương thân tương trợ.

Đó là niềm tự hào của dân tộc Việt và là một đóng góp đáng kể vào nền văn minh cổ xưa của phương Đông, nếu không muốn nói là hạt nhân của văn minh Trung Quốc và Đông Nam Á.

Vĩnh Như
Tủ Sách Việt Thương
www.tusachvietthuong.org